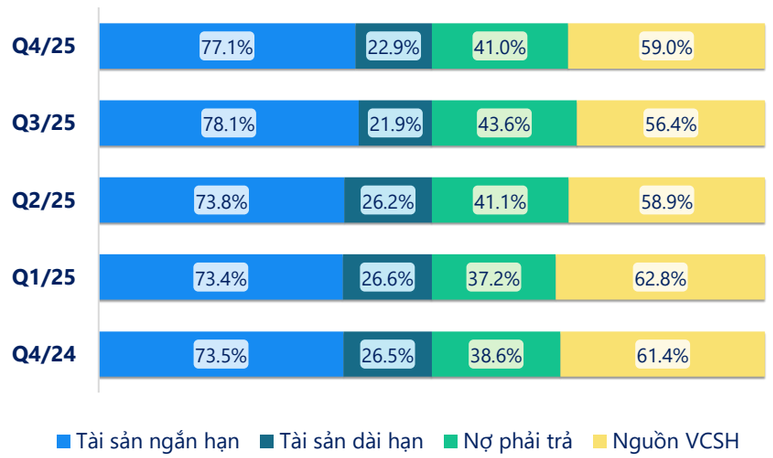
FireAnt

CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	2,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
SL cổ phiếu LH	31,843,305
KLGD BQ 20 phiên (CP)	45,305
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	89
P/E	17.5
EPS	160

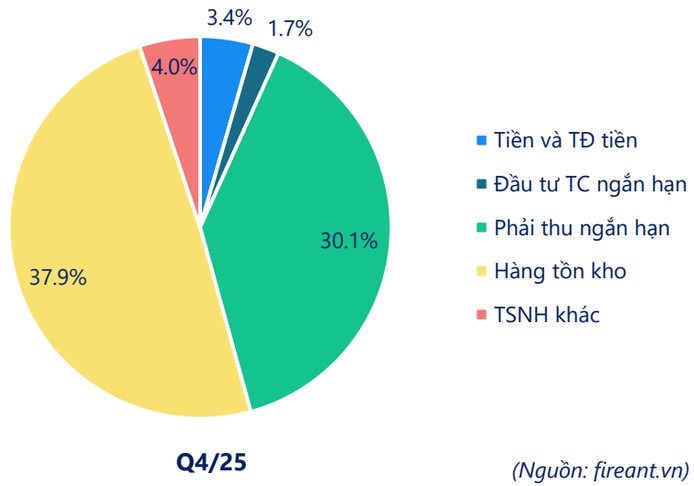
	YTD	1T	3T	6T
ITQ	0.0%	-3.4%	-3.4%	0.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



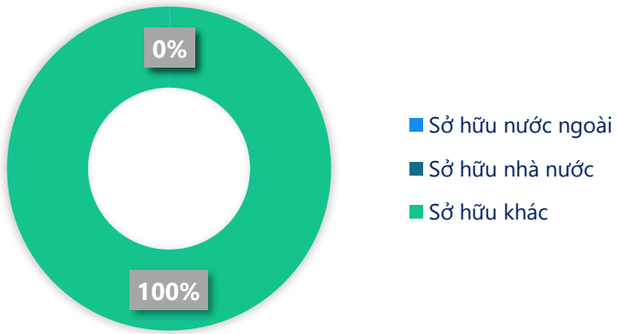
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



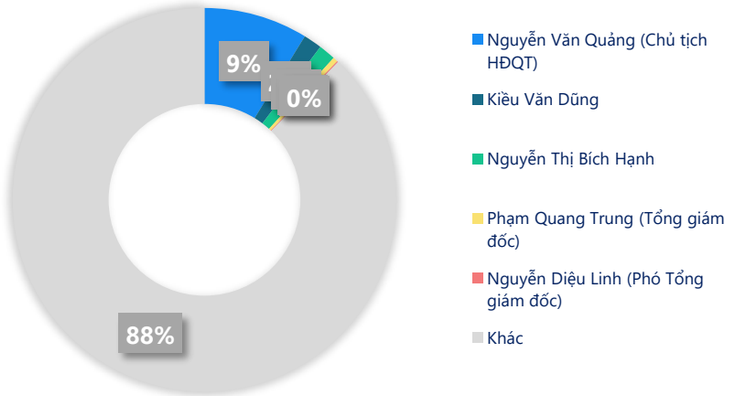
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



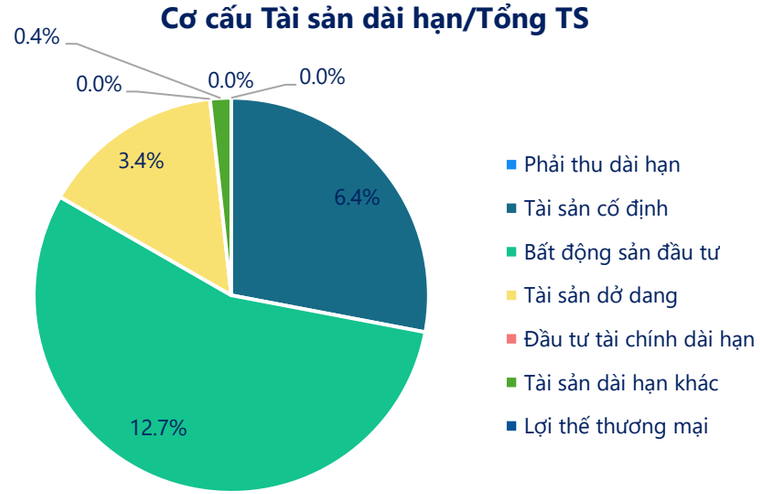
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

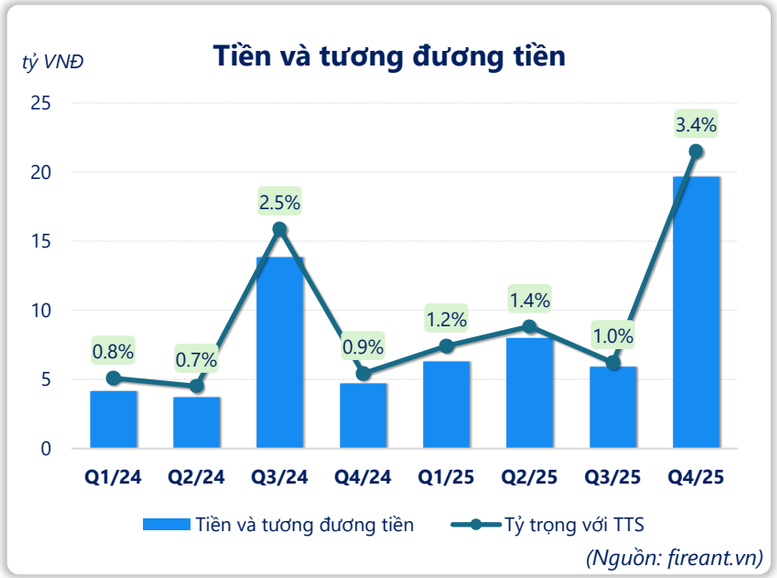
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



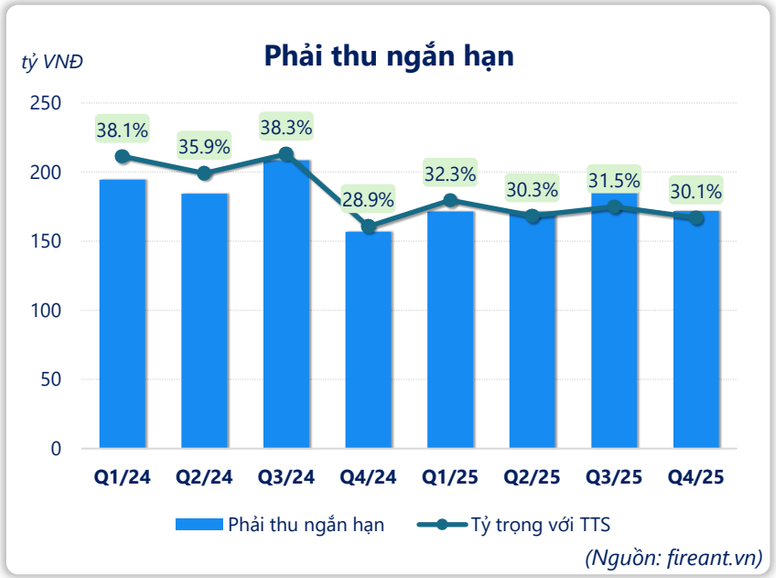
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

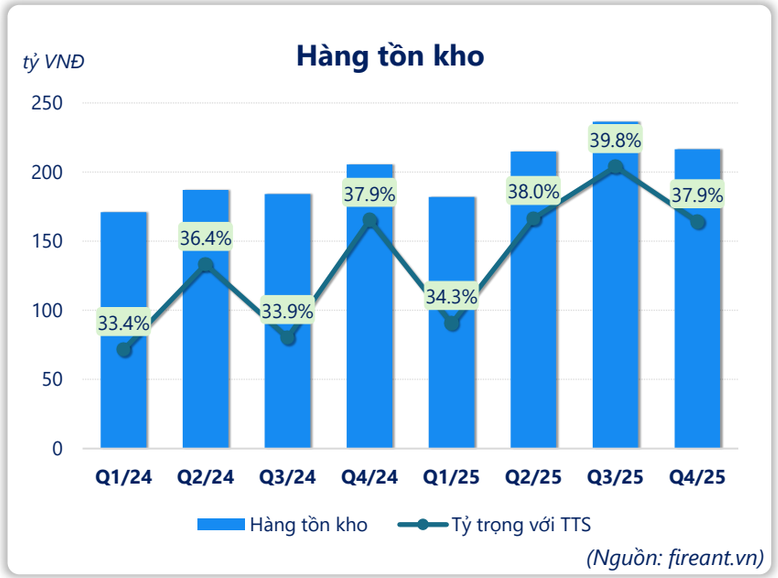
CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)



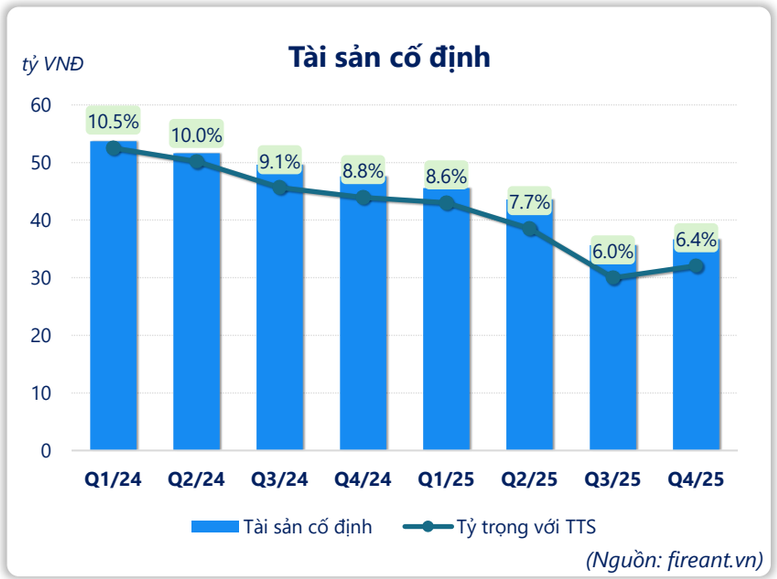
(Nguồn: fireant.vn)



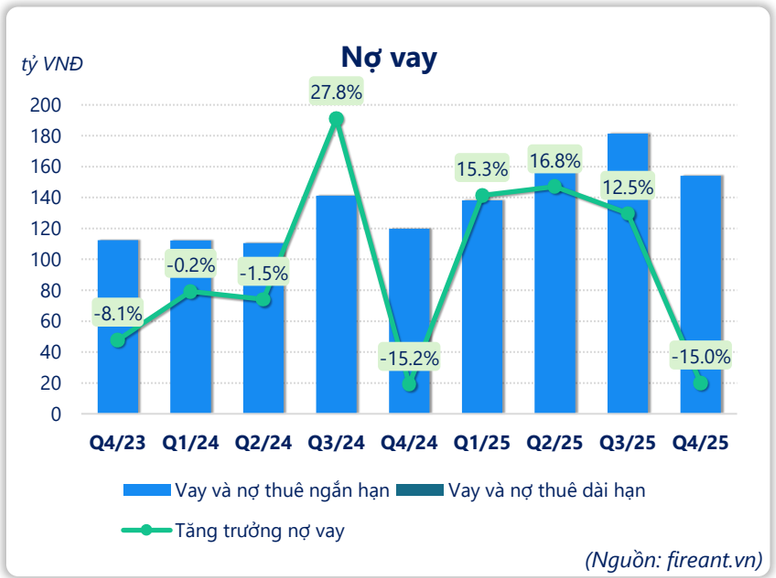
(Nguồn: fireant.vn)



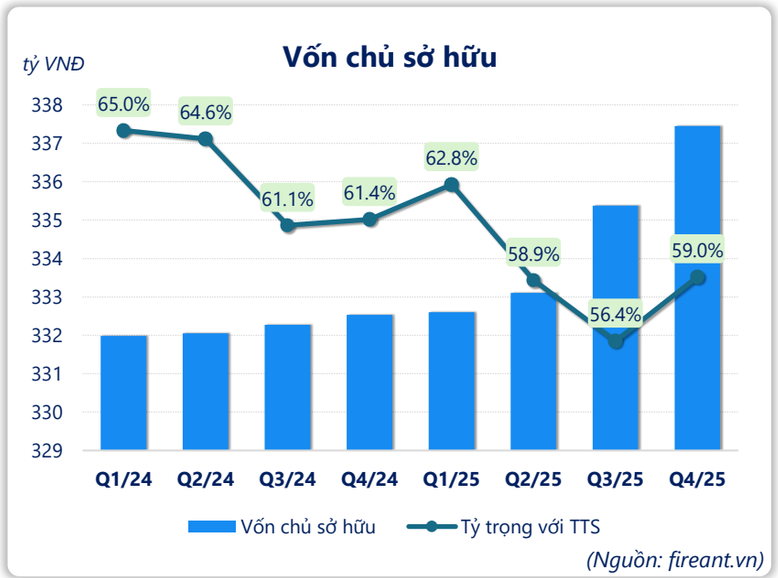
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

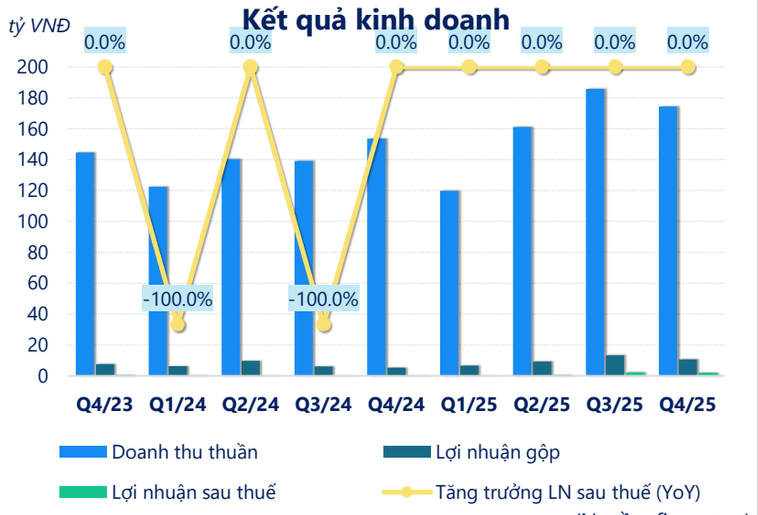


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

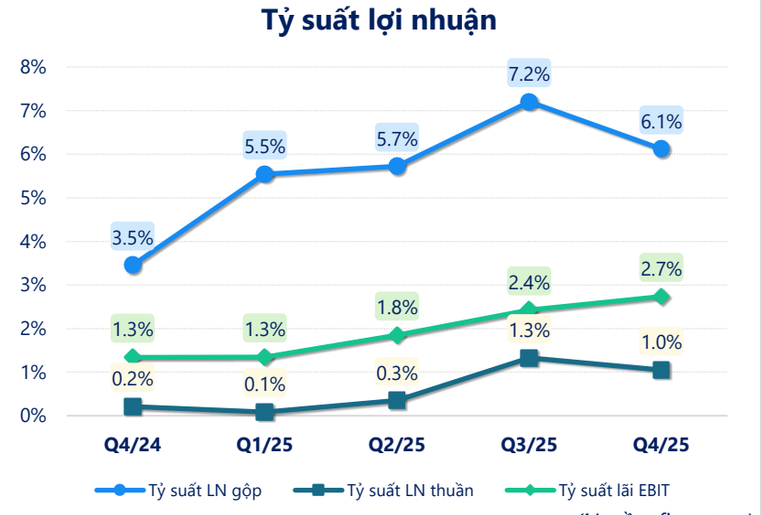
CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)

Kết quả kinh doanh



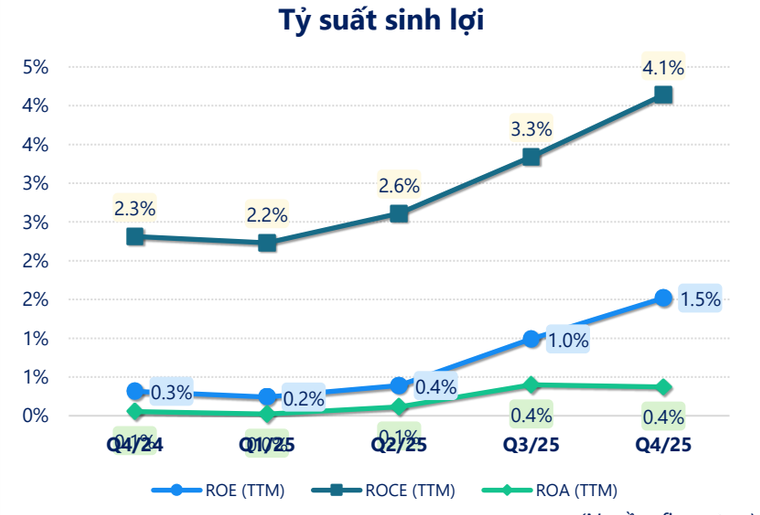
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



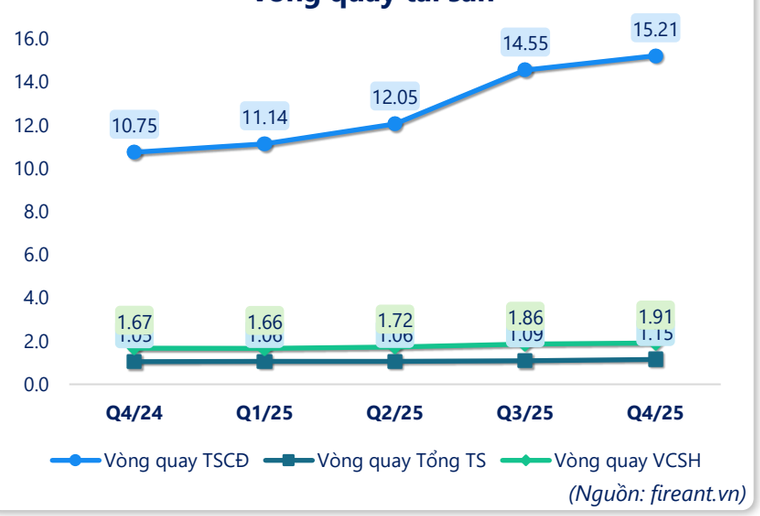
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



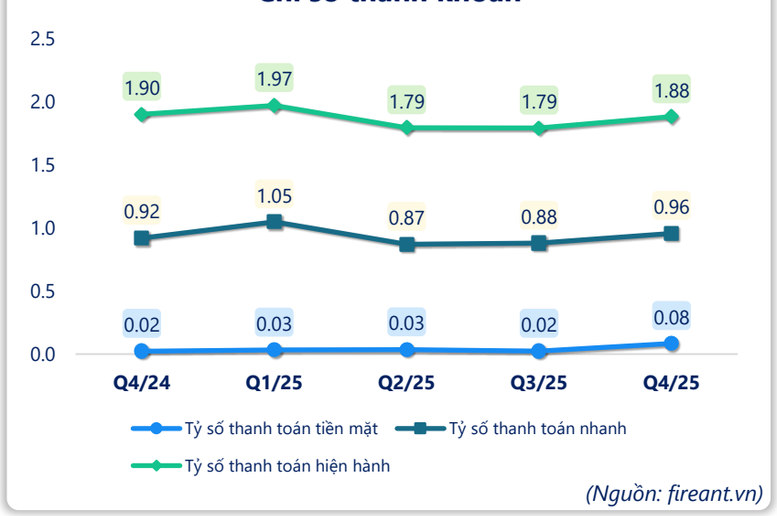
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



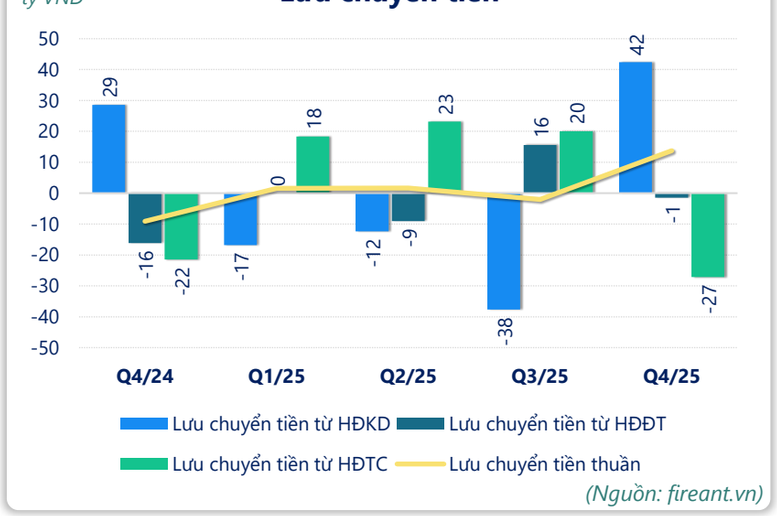
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Thiên Quang (HNX: ITQ)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**572**	**542**	**5.5%**
Tài sản ngắn hạn	441	399	10.5%
Tiền và tương đương tiền	19.7	4.71	317%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	10.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	172	157	9.6%
Hàng tồn kho	216	206	5.3%
Tài sản ngắn hạn khác	22.6	21.7	4.0%
Tài sản dài hạn	**131**	**143**	**-8.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	36.7	47.6	-23.0%
Bất động sản đầu tư	72.5	72.7	-0.3%
Tài sản dở dang	19.6	19.6	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.26**	**3.35**	**-32.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	234	209	11.8%
Nợ ngắn hạn	**234**	**209**	**11.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	154	120	28.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	72.6	88.6	-18.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**337**	**333**	**1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**337**	**333**	**1.5%**
Vốn điều lệ	318	318	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	154	120	161	186	174
Giá vốn hàng bán	148	113	152	172	164
Lợi nhuận gộp	5.30	6.63	9.22	13.4	10.7
Doanh thu HĐTC	0.97	0.05	0.63	0.39	0.63
Chi phí TC	2.34	2.17	3.50	2.53	3.10
Chi phí lãi vay	1.76	1.50	2.35	2.04	2.70
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.88	2.05	2.08	2.41	2.82
Chi phí QLDN	1.73	2.36	3.70	6.36	3.54
LN thuần từ HĐKD	0.33	0.10	0.56	2.47	1.83
Lợi nhuận khác	-0.03	0.01	0.06	0.00	0.25
LN trước thuế	0.29	0.12	0.62	2.47	2.07
Lợi nhuận sau thuế	0.29	0.12	0.62	2.27	2.07
LNST của CĐ cty mẹ	0.29	0.12	0.62	2.27	2.07

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.5	-16.8	-12.4	-37.7	42.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.1	0.00	-9.08	15.6	-1.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.5	18.4	23.1	20.1	-27.2
Tiền đầu kỳ	13.8	4.71	6.30	7.99	5.92
Lưu chuyển tiền thuần	**-9.11**	**1.59**	**1.70**	**-2.07**	**13.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	4.71	6.30	7.99	5.92	19.7

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic